



馬偕醫院護理部
MACKAY MEMORIAL HOSPITAL

Chăm sóc tại nhà người bệnh tim bẩm sinh 先天性心臟病居家照顧護理

Chế định 1998.09
Ôn lại 2023.10

I. Sử dụng thuốc 藥物使用：

i. Digoxin: Uống thuốc theo hướng dẫn của bác sĩ, không được tự tăng hoặc giảm liều thuốc.

i. 毛地黃 (Digoxin)：口服依醫師指示服用，不可自行增減藥量。

Triệu chứng quá lượng hoặc ngộ độc Digoxin: Khó ở, buồn nôn, nhức đầu, buồn ngủ, sợ sáng, mờ mắt, nhịp mạch giảm thấp hoặc không đều.

毛地黃過量或中毒的症狀：噁心、嘔吐、頭痛、嗜睡、畏光、視力模糊、脈搏降低或不規律。

Những điều cần chú ý 注意事項：

1. Trước mỗi lần cấp thuốc xin hãy dùng ống nghe kiểm tra nhịp tim 1 phút:

Nếu bệnh nhi dưới 1 tuổi nhịp tim mỗi phút thấp hơn 100 lần, bệnh nhi trên 1 tuổi nhịp tim mỗi phút thấp hơn 80 lần, trong ngày không cần cấp thuốc, và yêu cầu bác sĩ điều tiết liều thuốc.

1. 每次給藥前需先用聽診器測量心尖脈一分鐘，若一歲以下的病兒心尖脈每分鐘低於100次，一歲以上的病童心尖脈每分鐘低於80次，當天不要給藥，並請教醫師調節藥量。

2. Thuốc Digoxin được đựng trong lọ màu nâu tránh ánh sáng, giữ trong phòng, không cần để trong tủ lạnh một tháng, dùng theo giờ theo hướng dẫn của bác sĩ, phải dùng ống nhỏ giọt hoặc ống tiêm chân không để đo chính xác lượng thuốc, sau khi cấp thuốc phải rửa sạch dụng cụ bằng nước sạch.

2. 毛地黃藥物以褐色避光瓶包裝，室溫保存一個月，不需存放冰箱，依醫師指示定時服用，劑量要以滴管或空針準確測量，給藥後用具以清水洗淨晾乾。

3. Cấp thuốc trong thời gian cố định hàng ngày, đừng dùng hỗn hợp với thuốc hoặc thức ăn khác. Nếu quên không cấp thuốc, chưa quá 6 tiếng thì có thể bổ sung cấp thuốc; nếu quá 6 tiếng thì tạm ngừng cấp thuốc 1 lần. Sau khi cho uống Digoxin nếu trong vòng 10 phút ói ra, thì có thể cấp

thêm 1 lần thuốc; nếu quá 10 phút mới ói ra, thì không cần cấp thêm thuốc.

3. 每天固定的時間給藥，勿和其它藥物或食物混合服用。若忘了給藥，未超過六小時之內可以補給；若已超過六小時，則暫停給藥一次。餵食毛地黃後若十分鐘內吐出來，可以再給藥一次；若超過十分鐘後才嘔吐，則不需再餵藥。

4. Nếu nghi có triệu chứng quá lượng hoặc ngộ độc Digoxin, thì phải lập tức đưa đến bệnh viện.

4. 若疑似毛地黃藥物過量或中毒之症狀時，應立即就醫。

5. Bình thường phải cho bệnh nhi ăn thức ăn giàu kali, như: chuối, quýt, rau xanh đậm, thịt tươi, sữa bò .v.v., để tránh li tử kali trong máu quá thấp, gây ra ngộ độc Digoxin.

5. 平時應多餵食病童含鉀較高的食物，如：香蕉、柑橘、深色蔬菜、新鮮肉類、牛奶等，以避免血中鉀離子過低，引起毛地黃中毒。

ii .Thuốc lợi tiểu (Lasix): Dùng theo hướng dẫn của bác sĩ.

ii .利尿劑(Lasix)：口服依醫師指示服用。

Tác dụng phụ: Mất nước, khát nước, da nhăn nhão, hóp má, trũng hốc mắt.

副作用：脫水、口渴、皮膚皺縮鬆弛、囟門凹陷、眼眶凹陷。

Những điều cần chú ý 注意事項：

1.Đề nghị ăn nhiều thức ăn giàu kali.

1.建議多吃含鉀較高的食物。

2. Cấp thuốc theo thời gian cố định theo hướng dẫn của bác sĩ mỗi ngày, khi uống phải dùng ống tiêm chân không đo lượng thuốc chính xác, dùng dùng hỗn hợp với các loại thuốc hoặc thức ăn khác.

2. 依醫師指示在每天固定的時間給藥，服用時以空針準確抽取劑量，勿物或食物混合服用。

II .Nguyên tắc cho ăn 餵食原則

i .Lượng ít chia nhiều bữa, cho uống sữa lượng sữa ___tiếng ___cc.

i .採少量多餐，餵奶量每___小時___cc。

ii .Cho ăn phân đoạn, không được cho ăn hết 1 bữa, phải nghỉ giữa chừng hoặc thải khí nhiều lần.

ii .採分段餵食，不可一次餵完，中間應休息及排氣數次。

iii . Bé cho bú, để bệnh nhi nằm ngửa 45°. Khi cho bú nếu môi thâm tím, thở quá nhanh, thì phải lập tức ngừng cho bú.

iii.抱著餵奶，讓病兒採半坐臥約45°。餵奶時若嘴唇發紫、呼吸過快時，應立即停止餵奶。

iv. Chọn núm vú lỗ tròn, loại nhỏ giọt 1 giọt 1 giây.

iv.奶嘴選擇用圓洞的，牛奶呈滴狀約一秒一滴。

v. Nếu bệnh nhi khi cho bú có trạng thái mệt mỏi hoặc thở quá gấp, không thể bú sữa, có thể đổi dùng ống thông dạ dày với mũi để cho ăn theo hướng dẫn của bác sĩ.

v.若病兒在餵奶呈現疲倦的狀態或呼吸過快，無法吸完牛奶，可依醫師建議改用鼻胃管餵食。

III. Về mặt hoạt động活動方面：

i. Nếu sau khi vận động không thở dồn, da xanh, mệt mỏi bất thường, thì không cần hạn chế vận động.

i.如果運動後不會喘、發紺、異常疲倦，不需限制運動。

ii. Bệnh nhi bị bệnh tim khi đi bộ hoặc vận động nếu có hiện tượng đột quy, xin đừng ép trẻ tiếp tục hoạt động, mà cần phải để cho trẻ nghỉ ngơi.

ii.心臟病童在走路或運動時有突然蹲下來的現象，勿強迫他繼續活動，應讓他休息。

iii. Thời gian trị liệu bằng thuốc, phải tránh hoạt động kịch liệt, như chạy thi, đánh cầu .v.v.

iii.藥物治療期間，應避免劇烈運動，如賽跑、打球..等。

IV. Về mặt nghỉ ngơi giữ ấm休息保暖方面：

i. Ngủ và nghỉ ngơi thích đáng.

i.適當的睡眠及休息。

ii. Bệnh nhân vì khóc mà xuất hiện da xanh, thì phải vỗ về để giảm nhẹ triệu chứng da xanh.

ii.病兒因哭泣而加重發紺現象時，應給予安撫以減輕其發紺的症狀。

iii. Để trẻ hoạt động trong môi trường nhiệt độ thích hợp và yên tĩnh.

iii.讓小孩生活在合宜的溫度及安靜的環境。

iv Tay chân dễ lạnh, có thể đeo găng tay và tất.

iv手腳易冰冷，可穿戴手套及襪子。

V. Tiêm phòng: Bệnh nhi bị bệnh tim bẩm sinh, nếu không có tổng hợp với chức năng miễn dịch không đủ, thì phải được tiêm phòng.

V. 預防注射：先天性心臟病病兒，若無合併其他免疫機能不全時，須接受預防注射。

VI. Phòng lây nhiễm預防感染：

i . Trước khi tiếp xúc với bệnh nhi phải rửa tay, duy trì hai tay sạch sẽ.

i . 接觸病兒之前先洗手，保持雙手清潔。

ii . Chú ý tính lưu thông không khí trong nhà.

ii . 注意家中空氣的流通性。

iii . Tránh đưa đến nơi công cộng chật chội đông người.

iii . 避免帶到人多擁擠的公共場所。

iv Người nhà bị ốm phải giữ khoảng cách với bệnh nhi, nếu là người chăm sóc chính thì phải đeo khẩu trang.

iv 感冒的家人應與病兒保持距離，若是主要照顧者生病應戴口罩。

v . Xin lưu ý bảo vệ răng miệng.

v . 請注意口腔保健。

VII. Phòng táo bón預防便秘：

i . Động viên bệnh nhi ăn nhiều rau xanh, hoa quả, thức ăn giàu chất xơ.

i . 鼓勵病童多吃蔬菜水果、高纖食物。

ii . Xoa nhẹ lên phần bụng của bệnh nhi hoặc vận động phần bụng.

ii . 給予病童腹部輕柔按摩或多做腹部運動。

iii . Tạo thói quen đi ngoài mỗi ngày.

iii . 養成每天排便的習慣。

VIII. Khi bệnh nhi xuất hiện tình trạng dưới đây, thì phải lập tức đưa đến bệnh viện trị liệu 當患孩出現下列情況時，需立即就醫治療：

i . Thở gấp, khó thở và mất sức.

i . 呼吸急促、呼吸困難及費力。

ii . Nhịp tim, nhịp mạch đột nhiên giảm chậm hoặc gia tăng.

ii . 心跳、脈搏突然減慢或增加。

iii . Da xanh hơn, không thể lập tức cải thiện.

iii . 發紺加劇，無法立即改善。

iv Hộc mắt, má, chân hoặc mắt cá chân có hiện tượng bị phù.

iv 眼眶、前囟門、下肢或腳踝有水腫現象。

v .Lượng nước tiểu giảm nhiều.

v .尿量劇減。

vi. Sức hoạt động yếu hơn.

vi.活動力變差。

vii.Sốt không hạ.

vii.發燒不退。

IX.Quay lại viện theo dõi 返院追蹤：

Sau khi xuất viện quay lại viện theo dõi đúng giờ theo hướng dẫn của bác sĩ.

出院後請依照醫師指示按時返診追蹤。

Nếu có thắc mắc xin cứ hỏi nhân viên điều dưỡng rất vui lòng được phục vụ.
nếu có vấn đề sau khi xuất viện, bạn có thể sử dụng Đường dây tư vấn sức khỏe của Bệnh viện Mackay: Đài Bắc / Tamsui /Bệnh viện Nhi Mackay (02) 25713760, Hsinchu/ Bệnh viện Nhi Mackay (03) 5745098, Taitung Ma Kai (089) 310150 đến 311, thời gian tư vấn: Thứ Hai đến Thứ Sáu, 9: 00-12: 00 sáng, 2: 00-5: 00 chiều.

Thiên Chúa có thể ban phước cho bạn!